

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung

- Tên dự toán: Duy trì vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Thụ Lâm giai đoạn 2026-2027

- Chủ đầu tư: UBND xã Thụ Lâm;
- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư - hạ tầng xã Thụ Lâm;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 690 ngày;
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
- Địa điểm thực hiện: Xã Thụ Lâm, TP. Hà Nội

2. Mục tiêu công việc:

Đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị trên địa bàn

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài đường (m)	Chiều rộng đường (m)
	Tần suất 4/7			5.480,00	
1	Đường Uy Nỗ	Giao đường Ga Đông Anh	Đường Trại gà - Nguyễn Khê	2.780,00	7
2	Đường Lâm Tiên	QL3	Giao đường Uy Nỗ	1.030,00	7
3	Đường Ga Đông Anh	QL3	Ngã 3 Ấp Tó	1.670,00	7
	Tần suất 2/7			50.650,00	
4	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,00	10,5
5	Đường Liên Hà - UBND xã Liên Hà - Thôn Châu Phong	Đường Liên Hà	Thôn Châu Phong	1.380,00	5,5
6	Đường việt hùng kéo dài	ngã 3 thôn lỗ giao	cầu bài (đường liên hà)	700	10,5
7	Đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Lương Quy	Ngã 3 thôn Hà Lâm	1.500,00	13,5
8	Đường Thư Lâm	Cuối đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Mạnh Tân sang xã Liên Hà	1.900,00	13,5
9	Đường Thụy Lôi	Cuối đường Thư Lâm	Đền Sái	2.000,00	8-10,5
10	Đường Đào Thục (Đầu đường Thư Lâm - Đê Sông Cà Lồ)	Đầu đường Thư Lâm	Đê Sông Cà Lồ	1.966,00	7,5

11	Đường Nguyễn Thục	ngã 3 thôn Thù Lỗ	Ngã 3 Cỏ Châu	2.100,00	10,5
12	Đường Vân Hà	Ngã 3 Cỏ Châu	Lối rẽ thôn Châu Phong	1.300,00	10,5
13	Đường Vân Hà - Thụy Lâm (Từ Thiết Bình - Cầu Nhội)	Đường Vân Hà (UBND xã)	Cầu Thụy Lôi	4.400,00	7
14	Đường Kính Nỗ	Ngã 3 Ấp Tó	Ngã 3 Lương Quy	2.200,00	25
15	Đường Nam Hà	Trại gà Việt Cường	Thôn Thiết Ứng	1.900,00	10,5
16	Đường Cỏ Châu	Vân Hà	Bắc Ninh	830,00	10,5
17	Dục Tú kéo dài	Nút giao QL3 mới với đường KTMD	Cuối đường Vân Hà-lối rẽ thôn Châu Phong	1.600,00	10,5
18	Đường trại gà - Nguyên Khê	đường sắt HN-TN	Chợ Kim	1.350,00	5,5
19	Đường từ Quốc lộ 3 (ngã tư 1/5) - Đ. Uy Nỗ	Ngã tư 1/5 QL3	Đường Uy Nỗ	784,00	6,5
20	Đường nối từ đường Trại gà Nguyên Khê - Trường THCS Xuân Nộn	Đường Trại Gà Nguyên Khê	Ngã 4 trường THCS Xuân Nộn	1.800,00	5
21	Đường nối từ UBND xã Xuân Nộn - Đê Sông Cà Lò	Đường ngã ba lương quy - đê sông cà lò	Đê Sông Cà Lò	900,00	5
22	Đường từ đê sông Cà Lò (hết địa phận Đông Anh) đi Đền Sái	Đê sông Cà Lò	Đền Sái	700,00	5
23	Đường đê Sông Cà Lò (Từ cầu Phù Lỗ đến hết địa phận xã Thụy Lâm)	Cầu Phù Lỗ	Hết địa phận xã Thụy Lâm	9.300,00	6
24	Đường ngã 3 Lương Quy - Đê sông Cà Lò	Ngã 3 Lương Quy - đầu đường Thụ Lâm	Đê Sông Cà Lò	3.400,00	5,5

25	Cầu vượt QL3 mới	Đường nam hà	Đường nam hà	700,00	8
26	Đường nối từ đường BV Đông Anh - Đền Sái đến đường Uy Nỗ (chưa đặt tên)	Đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sái	Đường Uy Nỗ	800,00	4,5
27	Nghĩa trang Liên Hà - Mạnh Tân	Đường Liên Hà	đường Thư Lâm	2.200,00	6
28	Khu đấu giá QSD đất Liên Hà				
	<i>Tuyến 110.1 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			246,00	7,00
	<i>Tuyến 110.2 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			85,00	7,00
	<i>Tuyến 110.3 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			213,00	7,00
	<i>Tuyến 110.4 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			84,00	7,00
	<i>Tuyến 110.6 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			173,00	5,00
	<i>Tuyến 110.7 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			101,00	5,00
	<i>Tuyến 110.8 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			96,00	5,00
	<i>Tuyến 110.9 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			63,00	5,00
	<i>Tuyến 110.10 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			199,00	5,00
29	Đường nối từ đường Liên Hà - thôn Châu Phong - đường Nam Hà	Đường nam hà	đường Liên Hà	1.180,00	7,5

	Tần suất 1/7			5.417,00	
30	Cụm công nghiệp Liên Hà			501,00	10,00
31	Cụm công nghiệp Vân Hà	Cụm công nghiệp Vân Hà	Cụm công nghiệp Vân Hà		
	<i>Tuyến 115.1</i>			153,00	7,00
	<i>Tuyến 115.2</i>			490,00	7,00
	<i>Tuyến 115.3</i>			58,00	7,00
	<i>Tuyến 115.4</i>			154,00	7,00
	<i>Tuyến 115.5</i>			143,00	7,00
	<i>Tuyến 115.6</i>			397,00	7,00
	<i>Tuyến 115.7</i>			290,00	7,00
	<i>Tuyến 115.8</i>			309,00	7,00
32	Khu đấu giá Vân Hà			1.472,00	7
33	Khu đấu giá đất Thụy Lâm			1.450,00	7,5

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HÈ

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối		
-----------	----------------------	-----------------	------------------	--	--

				Chiều dài đường (m)	Tổng KL (m²)
	Tổng				
	Tần suất 3 ngày				85.185,00
1	Đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Lương Quy	Ngã 3 thôn Hà Lâm	1.500,00	10.500,000
2	Đường Thư Lâm	Cuối đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Mạnh Tân sang xã Liên Hà	1.900,00	13.300,000
3	Đường Thụy Lôi	Cuối đường Thư Lâm	Đền Sái	2.000,00	750,000
4	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,00	11.500,000
5	Đường Liên Hà - UBND xã Liên Hà - Thôn Châu Phong	Đường Liên Hà	Thôn Châu Phong	1.380,00	690,00
6	Đường việt hùng kéo dài	ngã 3 thôn lỗ giao	cầu bài (đường liên hà)	700	3.125,00
7	Đường Nguyễn Thục	ngã 3 thôn Thù Lỗ	Ngã 3 Cổ Châu	2.100,00	3.550,000
8	Đường Vân Hà	Ngã 3 Cổ Châu	Lối rẽ thôn Châu Phong	1.300,00	5.820,000
9	Đường Kính Nỗ	Ngã 3 Ấp Tó	Ngã 3 Lương Quy	2.200,00	13.200,00
10	Đường Uy Nỗ	Giao đường Ga Đông Anh	Đường Trại gà - Nguyên Khê	2.780,00	13.800,00
11	Đường Lâm Tiên	QL3	Giao đường Uy Nỗ	1.030,00	5.750,00
12	Đường Ga Đông Anh	QL3	Ngã 3 Ấp Tó	1.670,00	3.200,00

	Tần suất 2 ngày				58.421,00
13	Đường nối từ đường Trại gà Nguyên Khê - Trường THCS Xuân Nộn	Đường Trại Gà Nguyên Khê	Ngã 4 trường THCS Xuân Nộn	1.800,00	1.125,00
14	Đường nối từ UBND xã Xuân Nộn - Đê Sông Cà Lò	Đường ngã ba lương quy - đê sông cà lò	Đê Sông Cà Lò	900,00	4.500,00
15	Đường ngã 3 Lương Quy - Đê sông Cà Lò	Ngã 3 Lương Quy - đầu đường Thụ Lâm	Đê Sông Cà Lò	3.400,00	18.360,00
16	Khu đấu giá QSD đất Liên Hà				-
	<i>Tuyến 110.1 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			246,00	1.200,00
	<i>Tuyến 110.2 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			85,00	480,00
	<i>Tuyến 110.3 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			213,00	1.140,00
	<i>Tuyến 110.4 (tuyến Bắc - Nam khu ĐG QSD đất)</i>			84,00	492,00
	<i>Tuyến 110.6 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			173,00	1.020,00
	<i>Tuyến 110.7 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			101,00	600,00
	<i>Tuyến 110.8 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			96,00	540,00
	<i>Tuyến 110.9 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			63,00	360,00
	<i>Tuyến 110.10 (tuyến Tây - Đông khu ĐG QSD đất)</i>			199,00	1.140,00
17	Đường từ Quốc lộ 3 (ngã tư 1/5) - Đ. Uy Nỗ	Ngã tư 1/5 QL3	Đường Uy Nỗ	784,00	3.540,00

18	Đường Nam Hà	Trại gà Việt Cường	Thôn Thiết Úng	1.900,00	2.020,00
19	Khu đấu giá Vân Hà			1472	10.304,00
20	Khu đấu giá đất Thụy Lâm			1450	11.600,00

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG QUÉT ĐƯỜNG PHỐ, DẢI PHÂN CÁCH BẰNG CƠ GIỚI

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài đường (m)	Chiều rộng đường (m)
I	Tổng			8.800,00	
1	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,00	10,5
2	Đường việt hùng kéo dài	ngã 3 thôn lỗ giao	cầu bài (đường liên hà)	700	10,5
3	Đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Lương Quy	Ngã 3 thôn Hà Lâm	1.500,00	13,5
4	Đường Thư Lâm	Cuối đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Mạnh Tân sang xã Liên Hà	1.900,00	13,5
5	Đường Kính Nỗ	Ngã 3 Ấp Tó	Ngã 3 Lương Quy	2.200,00	25

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG ĐOẠN CÓ DÂN CƯ

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài đường (m)	Đoạn có dân cư (m)
	Tổng			38.860,00	15.680
1	Đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Lương Quy	Ngã 3 thôn Hà Lâm	1.500,00	400

2	Đường Thụ Lâm	Cuối đường Thụ Lâm	Ngã 3 thôn Mạnh Tân sang xã Liên Hà	1.900,00	700
3	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,00	1.500
4	Đường Nguyễn Thục	ngã 3 thôn Thù Lỗ	Ngã 3 Cổ Châu	2.100,00	600
5	Đường Vân Hà	Ngã 3 Cổ Châu	Lối rẽ thôn Châu Phong	1.300,00	800
6	Đường Vân Hà - Thụ Lâm (Từ Thiết Bình - Cầu Nhội)	Đường Vân Hà (UBND xã)	Cầu Thụ Lôi	4.400,00	500
7	Đường Liên Hà - UBND xã Liên Hà - Thôn Châu Phong	Đường Liên Hà	Thôn Châu Phong	1.380,00	1.100
8	Đường Đào Thục (Đầu đường Thụ Lâm - Đê Sông Cà Lò)	Đầu đường Thụ Lâm	Đê Sông Cà Lò	1.966,00	200
9	Đường nối từ đường Trại gà Nguyên Khê - Trường THCS Xuân Nộn	Đường Trại Gà Nguyên Khê	Ngã 4 trường THCS Xuân Nộn	1.800,00	300
10	Cụm công nghiệp Vân Hà			1.994,00	700
11	Nghĩa trang Liên Hà - Mạnh Tân	Đường Liên Hà	đường Thụ Lâm	2.200,00	200
12	Đường Nam Hà	Trại gà Việt Cường	Thôn Thiết Ứng	1.900,00	800
13	Đường ngã 3 Lương Quy - Đê sông Cà Lò	Ngã 3 Lương Quy - đầu đường Thụ Lâm	Đê Sông Cà Lò	3.400,00	1.100
14	Đường Cổ Châu	Vân Hà	Bắc Ninh	830,00	800
15	Dục Tú kéo dài	Nút giao QL3 mới với đường KTMD	Cuối đường Vân Hà-lối rẽ thôn Châu Phong	1.600,00	1.000

1	Thạc quả, đình trảng	Trên đường Dục tú kéo dài (đôi điện doanh trại PKKQ)	9	8	72				
2	Ngọc lôi	Cuối đường Nam hà (cách ngã 3 thiết úng 70m)	4	4	16				
3	Lỗ giao	trên đường vào thôn Lỗ giao	10	8	80	x	x		
4	Kính nõ	trên đường Uy nõ (cách BV bắc thẳng long 30m)			0				
5	Lương quy 1	cạnh trạm biến áp (cách ngã ba kim 100m)	18	12	216	x			
6	Chợ kim	gần cổng chợ			0				
7	Đường yên	trên đường BV đông anh - đền sái (cách cổng làng 150m)	18	12	216	x			
8	Lương quy 2	cách ngã 3 kim 300m			0				
9	Xuân nộn	cách nhà văn hóa thôn xuân nộn 100m	18	12	216	x			
10	Đình trung	cách nhà văn hóa thôn đình trung 250m	18	12	216	x			
11	Đường nhận	cách sân bóng thôn 100m	9,3	20	186	x			
12	khu 7	trên đê sông cà lồ	20	8	160	x			
13	khu 6	Cách cổng đền Sái 100m về phía Bắc Ninh			0	x		x	
14	khu 5	gầm cầu vượt QL3 mới	25	3,5	87,5	x			

15	Đào thực	cách chân đê sông cà lồ 150m	18	8,5	153	x			
16	Hương trầm	gần trạm biến áp 500kv	9	10	90	x			
17	Biểu kê	cạnh chân tường trạm biến áp 500kv			0				
18	Mạnh tân	đổi diện trường tiểu học	23	21	483	x		x	
19	Cổ miếu	gần cổng thôn	18	2,5	45	x			
20	Hà lâm 1	cạnh cổng thôn cổ miếu	8	3,5	28	x		x	
21	Hà lâm 3	trên đường BV đông anh - đèn sái (cách khu dân cư hà lâm 3 200m)	13	21	273	x		x	
22	Hà lâm 2	cách chùa hà lâm 200m	18	12	216	x		x	
23	Châu phong	trên đường Nam hà (cách nhà máy xử lý rác 300m)	7	21	147	x		x	
24	Hà hương	cách đường Liên hà 300m về phía hương trầm	7	10	70	x		x	
25	Hà phong	cạnh cầu K4	7	10	70	x		x	
26	Thù lỗ	chân đường gom (lên cầu vượt QL 3)	7	10	70	x		x	
27	Giao tác	gầm cầu vượt QL3 mới (đường nam hà)	7	10	70	x		x	
28	Lỗ kê	cạnh cầu bài (trên đường kinh tế miền đông)	7	10	70	x		x	
29	Đại vĩ	cách nhà văn hóa thôn đại vĩ 300m			0				
30		gần chùa quây	7	10	70	x		x	
31	Hà Lỗ	Cuối đường Liên Hà	7	10	70	x		x	

32	Thiết bình	trên đường cầu nội-thiết bình (cách khu dân cư 550m)	12	8	96	x			
33	Vân diêm	trên đường cầu nội-thiết bình (cách khu dân cư 350m)	12	8	96	x			
34	Hà Khê	cạnh cầu ống	12	8	96	x			
35	Tổ 22	cổng kho H6			0				
36	Tổ 23	cạnh khu Happy land			0				
37	Tổ 13	cổng vật tư đường sắt			0				
38	Tổ 14	Thiết bị điện			0				
39	chợ ga	cổng chợ ga			0				
40	Tổ 18	chợ cửa hàng mới			0				
41	tổ 10 + 11	gần sân bóng áp tó	8	9	72	x			
42	Tổ 46	đầu đường Z153			0				
43	Tổ 9	đường uy nỡ gần cổng ga			0				
44	Tổ 24	cổng tổ 24			0				
45	Tổ 19	trên đường uy nỡ			0				
46	Tổ 20	trên đường uy nỡ			0				
47	Tổ 15,16	đường lâm tiên			0				
48	Tổ 17	cuối đường lâm tiên (cạnh thiết bị điện)			0				
49	Tổ 49	cách khu dân cư tổ 100m			0				
50	Lâm Tiên	cách khu dân cư thôn 100m			0	x		x	
51	Kim Tiên	cách nhà văn hóa thôn 150m	10	8	80	x			

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TĂNG CƯỜNG ĐƯỜNG

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài đường (m)	Chiều rộng đường (m)
	Tổng			5.900,00	
1	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,00	10,5
2	Đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Lương Quy	Ngã 3 thôn Hà Lâm	1.500,00	13,5
3	Đường Thụ Lâm	Cuối đường Thụy Lâm	Ngã 3 thôn Mạnh Tân sang xã Liên Hà	1.900,00	13,5
4	Đường Thụy Lôi	Cuối đường Thụ Lâm	Đền Sái	2.000,00	8-10,5
5	Đường việt hùng kéo dài	ngã 3 thôn lỗ giao	cầu bài (đường liên hà)	700	10,5

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TĂNG CƯỜNG HÈ

TT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài đường (m)	Tổng KL (m ²)
	Tổng			3.200,00	14.625,00
1	Đường Liên Hà	Cầu Bài - xã Việt Hùng	Thôn Thù Lỗ - xã Liên Hà	2.500,000	11.500,000

2	Đường việt hùng kéo dài	ngã 3 thôn lỗ giao	cầu bài (đường liên hà)	700	3.125,00
---	-------------------------	--------------------	-------------------------	-----	----------

HẠNG MỤC: THU GOM THỦ CÔNG CHẤT THẢI TẠI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN Ở NGÕ, NGÁCH, HÈM

Stt	Ngõ/Ngách	Rộng ngõ	Chiều dài ngõ		
			Tổng	Ngõ ≤ 3m	Ngõ > 3m
	TỔNG CỘNG		177.015,00	173.270,00	3.745,00
	Xã Uy Nỗ cũ		5.520,00	4.920,00	600,00
X	Kính Nỗ				
1	Tuyến 1	3,60	600,00	-	600,00
2	Tuyến 2	2,30	130,00	130,00	-
3	Tuyến 3	2,20	66,00	66,00	-
4	Tuyến 4	2,30	69,00	69,00	-
5	Tuyến 5	2,50	258,00	258,00	-
6	Tuyến 6	2,40	240,00	240,00	-
7	Tuyến 7	2,60	43,00	43,00	-

8	Tuyển 8	2,00	317,00	317,00	-
9	Tuyển 9	2,50	183,00	183,00	-
10	Tuyển 10	2,10	394,00	394,00	-
11	Tuyển 11	2,30	125,00	125,00	-
12	Tuyển 12	2,20	126,00	126,00	-
13	Tuyển 13	2,30	220,00	220,00	-
14	Tuyển 14	2,20	206,00	206,00	-
15	Tuyển 15	2,30	213,00	213,00	-
16	Tuyển 16	2,10	204,00	204,00	-
17	Tuyển 17	2,10	128,00	128,00	-
18	Tuyển 18	2,50	141,00	141,00	-
19	Tuyển 19	2,40	142,00	142,00	-
20	Tuyển 20	2,30	143,00	143,00	-
21	Tuyển 21	2,60	146,00	146,00	-

22	Tuyển 22	2,70	184,00	184,00	-
23	Tuyển 23	2,60	179,00	179,00	-
24	Tuyển 24	2,60	225,00	225,00	-
25	Tuyển 25	2,60	212,00	212,00	-
26	Tuyển 26	2,40	76,00	76,00	-
27	Tuyển 27	2,30	183,00	183,00	-
28	Tuyển 28	2,00	110,00	110,00	-
29	Tuyển 29	2,50	192,00	192,00	-
30	Tuyển 30	2,00	65,00	65,00	-
	Xã Dục Tú cũ		8.014,00	8.014,00	-
I	Đình Tràng			-	-
1	Tuyển 1	2,80	945,00	945,00	-
2	Tuyển 2	2,90	476,00	476,00	-
3	Tuyển 3	2,30	187,00	187,00	-
4	Tuyển 4	1,80	89,00	89,00	-

5	Tuyển 5	2,10	160,00	160,00	-
6	Tuyển 6	2,20	139,00	139,00	-
7	Tuyển 7	2,30	75,00	75,00	-
8	Tuyển 8	2,30	63,00	63,00	-
9	Tuyển 9	2,30	162,00	162,00	-
10	Tuyển 10	2,30	66,00	66,00	-
11	Tuyển 11	1,70	74,00	74,00	-
12	Tuyển 12	2,30	144,00	144,00	-
13	Tuyển 13	1,80	62,00	62,00	-
14	Tuyển 14	1,90	63,00	63,00	-
15	Tuyển 15	1,90	24,00	24,00	-
16	Tuyển 16	1,80	35,00	35,00	-
17	Tuyển 17	1,70	62,00	62,00	-
18	Tuyển 18	1,70	65,00	65,00	-

19	Tuyển 19	2,10	81,00	81,00	-
20	Tuyển 20	1,80	65,00	65,00	-
21	Tuyển 21	1,80	50,00	50,00	-
22	Tuyển 22	1,90	40,00	40,00	-
23	Tuyển 23	1,90	15,00	15,00	-
24	Tuyển 24	1,80	15,00	15,00	-
25	Tuyển 25	1,70	25,00	25,00	-
26	Tuyển 26	1,70	176,00	176,00	-
27	Tuyển 27	1,80	139,00	139,00	-
28	Tuyển 28	1,80	18,00	18,00	-
29	Tuyển 29	1,60	18,00	18,00	-
30	Tuyển 30	1,90	50,00	50,00	-
31	Tuyển 31	1,80	155,00	155,00	-
32	Tuyển 32	1,80	81,00	81,00	-

33	Tuyến 33	1,60	14,00	14,00	-
34	Tuyến 34	1,90	87,00	87,00	-
35	Tuyến 35	1,60	89,00	89,00	-
36	Tuyến 36	1,90	92,00	92,00	-
37	Tuyến 37	1,80	47,00	47,00	-
38	Tuyến 38	2,50	135,00	135,00	-
39	Tuyến 39	1,90	50,00	50,00	-
40	Tuyến 40	1,80	50,00	50,00	-
41	Tuyến 41	1,90	50,00	50,00	-
42	Tuyến 42	1,80	50,00	50,00	-
43	Tuyến phía Nam làng (bổ sung)	2,60	200,00	200,00	-
II	Ngọc Lôi			-	-
1	Tuyến 1	2,90	656,00	656,00	-
2	Tuyến 2	2,80	578,00	578,00	-
3	Tuyến 3		87,00	87,00	-

4	Tuyển 4	2,70	103,00	103,00	-
5	Tuyển 5	2,60	112,00	112,00	-
6	Tuyển 6	2,40	206,00	206,00	-
7	Tuyển 7	2,50	85,00	85,00	-
8	Tuyển 8	2,00	38,00	38,00	-
9	Tuyển 9	2,80	259,00	259,00	-
10	Tuyển 10	2,10	46,00	46,00	-
11	Tuyển 11	2,10	64,00	64,00	-
12	Tuyển 12	2,20	25,00	25,00	-
13	Tuyển 13	1,80	79,00	79,00	-
14	Tuyển 14	2,00	61,00	61,00	-
15	Tuyển 15	2,10	129,00	129,00	-
16	Tuyển 16	1,80	84,00	84,00	-
17	Tuyển 17	2,00	81,00	81,00	-

18	Tuyển 18	1,80	39,00	39,00	-
19	Tuyển 19	1,90	42,00	42,00	-
20	Tuyển 20	2,10	30,00	30,00	-
21	Tuyển 21	2,20	30,00	30,00	-
22	Tuyển 22	2,10	40,00	40,00	-
23	Tuyển 23	1,80	94,00	94,00	-
24	Tuyển 24	2,10	24,00	24,00	-
25	Tuyển 25	2,00	259,00	259,00	-
26	Tuyển 26	2,00	20,00	20,00	-
27	Tuyển 27	2,00	30,00	30,00	-
28	Tuyển 28	2,10	30,00	30,00	-
	Xã Việt Hùng cũ		4.329,00	3.729,00	600,00
I	Lỗ Giao				
1	Tuyển 1	3,10	600,00	-	600,00
2	Tuyển 2	2,20	130,00	130,00	-

3	Tuyển 3	1,80	60,00	60,00	-
4	Tuyển 4	2,20	555,00	555,00	-
5	Tuyển 5	1,60	30,00	30,00	-
6	Tuyển 6	1,70	43,00	43,00	-
7	Tuyển 7	1,90	43,00	43,00	-
8	Tuyển 8	1,90	40,00	40,00	-
9	Tuyển 9	2,00	94,00	94,00	-
10	Tuyển 10	2,00	94,00	94,00	-
11	Tuyển 11	2,00	94,00	94,00	-
12	Tuyển 12	2,00	94,00	94,00	-
13	Tuyển 13	2,00	652,00	652,00	-
14	Tuyển 14	2,00	296,00	296,00	-
15	Tuyển 15	1,90	30,00	30,00	-
16	Tuyển 16	1,80	30,00	30,00	-

17	Tuyển 17	1,90	30,00	30,00	-
18	Tuyển 18	1,80	30,00	30,00	-
19	Tuyển 19	1,80	30,00	30,00	-
20	Tuyển 20	2,30	188,00	188,00	-
21	Tuyển 21	2,40	30,00	30,00	-
22	Tuyển 22	1,80	75,00	75,00	-
23	Tuyển 23	1,80	30,00	30,00	-
24	Tuyển 24	1,90	30,00	30,00	-
25	Tuyển 25	2,20	40,00	40,00	-
26	Tuyển 26	2,30	40,00	40,00	-
27	Tuyển 27	2,20	85,00	85,00	-
28	Tuyển 28	2,40	207,00	207,00	-
29	Tuyển 29	2,20	107,00	107,00	-
30	Tuyển 30	2,30	46,00	46,00	-

31	Tuyển 31	2,20	48,00	48,00	-
32	Tuyển 32	2,40	340,00	340,00	-
33	Tuyển 33	1,90	88,00	88,00	-
	Xã Liên Hà cũ		37.714,00	37.714,00	-
I	Giao Tác				-
1	Tuyển 1		527,00	527,00	-
2	Tuyển 2	2,50	431,00	431,00	-
3	Tuyển 3	2,30	445,00	445,00	-
4	Tuyển 4	2,40	339,00	339,00	-
5	Tuyển 5		209,00	209,00	-
6	Tuyển 6	2,10	190,00	190,00	-
7	Tuyển 7	2,20	77,00	77,00	-
8	Tuyển 8	2,00	154,00	154,00	-
9	Tuyển 9	2,10	35,00	35,00	-
10	Tuyển 10	2,50	201,00	201,00	-

11	Tuyển 11	2,10	40,00	40,00	-
12	Tuyển 12	1,80	105,00	105,00	-
13	Tuyển 13	1,70	89,00	89,00	-
14	Tuyển 14	1,90	65,00	65,00	-
15	Tuyển 15	1,80	48,00	48,00	-
16	Tuyển 16	1,80	25,00	25,00	-
17	Tuyển 17	2,00	40,00	40,00	-
18	Tuyển 18	2,10	118,00	118,00	-
19	Tuyển 19	2,00	110,00	110,00	-
20	Tuyển 20	2,60	111,00	111,00	-
21	Tuyển 21	2,00	40,00	40,00	-
22	Tuyển 22	2,10	40,00	40,00	-
23	Tuyển 23	2,00	56,00	56,00	-
24	Tuyển 24	2,10	57,00	57,00	-

25	Tuyển 25	2,00	59,00	59,00	-
26	Tuyển 26	2,20	59,00	59,00	-
27	Tuyển 27	2,00	62,00	62,00	-
28	Tuyển 28	1,80	44,00	44,00	-
29	Tuyển 29	1,80	66,00	66,00	-
30	Tuyển 30	1,70	93,00	93,00	-
31	Tuyển 31	1,80	25,00	25,00	-
32	Tuyển 32	2,10	30,00	30,00	-
II	Đại Vĩ				-
1	Tuyển 1		340,00	340,00	-
2	Tuyển 2		1.209,00	1.209,00	-
3	Tuyển 3	2,10	266,00	266,00	-
4	Tuyển 4	2,00	30,00	30,00	-
5	Tuyển 5	2,00	55,00	55,00	-
6	Tuyển 6	2,00	55,00	55,00	-

7	Tuyển 7	2,10	32,00	32,00	-
8	Tuyển 8	2,10	86,00	86,00	-
9	Tuyển 9	2,40	383,00	383,00	-
10	Tuyển 10	2,00	88,00	88,00	-
11	Tuyển 11	2,10	71,00	71,00	-
12	Tuyển 12	2,00	112,00	112,00	-
13	Tuyển 13	2,10	107,00	107,00	-
14	Tuyển 14	2,00	110,00	110,00	-
15	Tuyển 15	2,10	142,00	142,00	-
16	Tuyển 16	1,70	23,00	23,00	-
17	Tuyển 17	1,80	72,00	72,00	-
18	Tuyển 18	1,80	25,00	25,00	-
19	Tuyển 19	1,80	60,00	60,00	-
20	Tuyển 20	1,90	25,00	25,00	-

21	Tuyển 21	2,10	50,00	50,00	-
22	Tuyển 22	2,20	56,00	56,00	-
23	Tuyển 23	1,80	27,00	27,00	-
24	Tuyển 24	1,80	20,00	20,00	-
25	Tuyển 25	1,90	20,00	20,00	-
26	Tuyển 26	1,70	71,00	71,00	-
27	Tuyển 27	1,80	86,00	86,00	-
28	Tuyển 28	1,80	60,00	60,00	-
29	Tuyển 29	1,80	20,00	20,00	-
30	Tuyển 30	2,10	239,00	239,00	-
31	Tuyển 31	2,00	14,00	14,00	-
32	Tuyển 32	2,00	25,00	25,00	-
33	Tuyển 33	2,20	280,00	280,00	-
34	Tuyển 34	1,80	61,00	61,00	-

35	Tuyển 35	1,70	40,00	40,00	-
36	Tuyển 36	1,80	50,00	50,00	-
37	Tuyển 37	1,80	40,00	40,00	-
38	Tuyển 38	1,90	135,00	135,00	-
39	Tuyển 39	1,80	50,00	50,00	-
40	Tuyển 40	2,20	270,00	270,00	-
41	Tuyển 41	1,80	50,00	50,00	-
42	Tuyển 42	1,90	30,00	30,00	-
43	Tuyển 43	2,20	144,00	144,00	-
44	Tuyển 44	1,70	17,00	17,00	-
45	Tuyển 45	2,20	27,00	27,00	-
46	Tuyển 46	2,10	128,00	128,00	-
47	Tuyển 47	2,00	126,00	126,00	-
48	Tuyển 48	2,10	57,00	57,00	-

49	Tuyển 49	2,20	57,00	57,00	-
50	Tuyển 50	2,20	60,00	60,00	-
51	Tuyển 51	2,30	126,00	126,00	-
III	Châu Phong				-
1	Tuyển 1	2,80	769,00	769,00	-
2	Tuyển 2	2,20	71,00	71,00	-
3	Tuyển 3	2,20	71,00	71,00	-
4	Tuyển 4	2,10	72,00	72,00	-
5	Tuyển 5	2,00	166,00	166,00	-
6	Tuyển 6	2,10	92,00	92,00	-
7	Tuyển 7	2,30	90,00	90,00	-
8	Tuyển 8	2,00	90,00	90,00	-
9	Tuyển 9	2,00	92,00	92,00	-
10	Tuyển 10	2,10	49,00	49,00	-
11	Tuyển 11	2,00	20,00	20,00	-

12	Tuyển 12	1,80	180,00	180,00	-
13	Tuyển 13	1,80	48,00	48,00	-
14	Tuyển 14	1,70	94,00	94,00	-
15	Tuyển 15	2,20	227,00	227,00	-
16	Tuyển 16	2,20	191,00	191,00	-
17	Tuyển 17	2,10	99,00	99,00	-
18	Tuyển 18	1,90	100,00	100,00	-
19	Tuyển 19	1,70	7,00	7,00	-
20	Tuyển 20	2,10	43,00	43,00	-
21	Tuyển 21	1,80	31,00	31,00	-
22	Tuyển 22	2,10	159,00	159,00	-
23	Tuyển 23	2,10	29,00	29,00	-
24	Tuyển 24	1,80	62,00	62,00	-
25	Tuyển 25	1,80	87,00	87,00	-

26	Tuyển 26	1,90	22,00	22,00	-
27	Tuyển 27	1,70	26,00	26,00	-
28	Tuyển 28	1,70	159,00	159,00	-
29	Tuyển 29	1,80	43,00	43,00	-
30	Tuyển 30	1,70	92,00	92,00	-
31	Tuyển 31	1,80	20,00	20,00	-
32	Tuyển 32	2,10	340,00	340,00	-
33	Tuyển 33	2,10	157,00	157,00	-
34	Tuyển 34	2,10	76,00	76,00	-
35	Tuyển 35	2,00	103,00	103,00	-
36	Tuyển 36	2,60	445,00	445,00	-
37	Tuyển 37	1,80	74,00	74,00	-
38	Tuyển 38	1,80	57,00	57,00	-
39	Tuyển 39	1,90	86,00	86,00	-

40	Tuyển 40	1,80	60,00	60,00	-
41	Tuyển 41	2,00	190,00	190,00	-
42	Tuyển 42	1,80	180,00	180,00	-
43	Tuyển 43	2,10	40,00	40,00	-
44	Tuyển 44	2,00	66,00	66,00	-
45	Tuyển 45		280,00	280,00	-
46	Tuyển 46	1,80	25,00	25,00	-
47	Tuyển 47	1,80	25,00	25,00	-
48	Tuyển 48	1,70	96,00	96,00	-
49	Tuyển 49	1,80	102,00	102,00	-
50	Tuyển 50	1,70	110,00	110,00	-
51	Tuyển 51	1,90	15,00	15,00	-
52	Tuyển 52	1,80	10,00	10,00	-
53	Tuyển 53	1,80	49,00	49,00	-

54	Tuyển 54	2,40	439,00	439,00	-
55	Tuyển 55	2,10	10,00	10,00	-
56	Tuyển 56	2,20	90,00	90,00	-
57	Tuyển 57	2,20	179,00	179,00	-
58	Tuyển 58	2,30	25,00	25,00	-
59	Tuyển 59	2,50	418,00	418,00	-
IV	Thù Lỗ			-	-
1	Tuyển 1	2,60	360,00	360,00	-
2	Tuyển 2	2,50	131,00	131,00	-
3	Tuyển 3	2,40	337,00	337,00	-
4	Tuyển 4	1,70	126,00	126,00	-
5	Tuyển 5	1,80	122,00	122,00	-
6	Tuyển 6	1,70	114,00	114,00	-
7	Tuyển 7	1,80	107,00	107,00	-
8	Tuyển 8	2,00	100,00	100,00	-

9	Tuyển 9	1,80	99,00	99,00	-
10	Tuyển 10	1,70	97,00	97,00	-
11	Tuyển 11	1,80	86,00	86,00	-
12	Tuyển 12	2,00	10,00	10,00	-
13	Tuyển 13	2,00	48,00	48,00	-
14	Tuyển 14	2,10	50,00	50,00	-
15	Tuyển 15	2,00	55,00	55,00	-
16	Tuyển 16	2,10	95,00	95,00	-
V	Hà Lỗ				-
1	Tuyển 1		472,00	472,00	-
2	Tuyển 2	2,10	26,00	26,00	-
3	Tuyển 3	2,10	69,00	69,00	-
4	Tuyển 4	2,30	166,00	166,00	-
5	Tuyển 5	2,40	69,00	69,00	-
6	Tuyển 6	2,40	41,00	41,00	-

7	Tuyển 7	1,70	35,00	35,00	-
8	Tuyển 8	1,80	139,00	139,00	-
9	Tuyển 9	1,80	144,00	144,00	-
10	Tuyển 10	1,70	143,00	143,00	-
11	Tuyển 11	1,90	145,00	145,00	-
12	Tuyển 12	1,80	148,00	148,00	-
13	Tuyển 13	2,40	216,00	216,00	-
14	Tuyển 14	1,80	145,00	145,00	-
15	Tuyển 15	1,80	140,00	140,00	-
16	Tuyển 16	1,70	135,00	135,00	-
17	Tuyển 17	1,80	130,00	130,00	-
18	Tuyển 18	1,90	124,00	124,00	-
19	Tuyển 19	2,10	84,00	84,00	-
20	Tuyển 20	2,10	75,00	75,00	-

21	Tuyển 21	2,20	70,00	70,00	-
22	Tuyển 22	2,50	85,00	85,00	-
23	Tuyển 23	2,40	122,00	122,00	-
24	Tuyển 24	1,80	42,00	42,00	-
25	Tuyển 25	2,50	155,00	155,00	-
26	Tuyển 26	2,60	260,00	260,00	-
27	Tuyển 27	2,00	40,00	40,00	-
28	Tuyển 28	1,70	36,00	36,00	-
29	Tuyển 29	1,80	38,00	38,00	-
30	Tuyển 30	2,40	286,00	286,00	-
31	Tuyển 31	1,70	134,00	134,00	-
32	Tuyển 32	1,70	94,00	94,00	-
33	Tuyển 33	1,80	94,00	94,00	-
34	Tuyển 34	2,40	163,00	163,00	-
VI	Lỗ Khê				-

1	Tuyển 1	2,50	268,00	268,00	-
2	Tuyển 2	2,10	260,00	260,00	-
3	Tuyển 3	2,60	68,00	68,00	-
4	Tuyển 4	1,70	30,00	30,00	-
5	Tuyển 5	2,00	58,00	58,00	-
6	Tuyển 6	2,60	684,00	684,00	-
7	Tuyển 7	1,70	25,00	25,00	-
8	Tuyển 8	1,80	25,00	25,00	-
9	Tuyển 9	1,80	15,00	15,00	-
10	Tuyển 10	1,80	100,00	100,00	-
11	Tuyển 11	1,80	104,00	104,00	-
12	Tuyển 12	1,90	103,00	103,00	-
13	Tuyển 13	1,70	120,00	120,00	-
14	Tuyển 14	1,80	67,00	67,00	-

15	Tuyển 15	1,60	35,00	35,00	-
16	Tuyển 16	1,40	84,00	84,00	-
17	Tuyển 17	1,50	15,00	15,00	-
18	Tuyển 18	1,70	61,00	61,00	-
19	Tuyển 19	1,80	58,00	58,00	-
20	Tuyển 20	1,80	30,00	30,00	-
21	Tuyển 21	1,80	15,00	15,00	-
22	Tuyển 22	2,30	146,00	146,00	-
23	Tuyển 23	2,20	58,00	58,00	-
24	Tuyển 24	2,00	43,00	43,00	-
25	Tuyển 25	2,00	60,00	60,00	-
26	Tuyển 26	2,00	60,00	60,00	-
27	Tuyển 27	2,50	168,00	168,00	-
28	Tuyển 28	1,70	15,00	15,00	-

29	Tuyển 29	1,80	46,00	46,00	-
30	Tuyển 30	1,70	45,00	45,00	-
31	Tuyển 31	1,60	124,00	124,00	-
32	Tuyển 32	1,70	69,00	69,00	-
33	Tuyển 33	1,80	15,00	15,00	-
34	Tuyển 34	2,50	656,00	656,00	-
35	Tuyển 35	2,30	881,00	881,00	-
36	Tuyển 36	1,70	65,00	65,00	-
37	Tuyển 37	1,80	85,00	85,00	-
38	Tuyển 38	1,90	91,00	91,00	-
39	Tuyển 39	1,80	15,00	15,00	-
40	Tuyển 40	1,70	55,00	55,00	-
41	Tuyển 41	1,80	10,00	10,00	-
42	Tuyển 42	1,60	10,00	10,00	-

43	Tuyển 43	2,20	129,00	129,00	-
44	Tuyển 44	1,70	50,00	50,00	-
45	Tuyển 45	1,80	15,00	15,00	-
46	Tuyển 46	1,80	45,00	45,00	-
47	Tuyển 47	1,80	25,00	25,00	-
48	Tuyển 48	1,70	20,00	20,00	-
49	Tuyển 49	1,80	20,00	20,00	-
50	Tuyển 50	1,70	37,00	37,00	-
51	Tuyển 51	1,60	45,00	45,00	-
52	Tuyển 52	1,70	44,00	44,00	-
53	Tuyển 53	1,70	45,00	45,00	-
54	Tuyển 54	2,30	127,00	127,00	-
55	Tuyển 55	1,70	25,00	25,00	-
56	Tuyển 56	2,30	48,00	48,00	-

57	Tuyển 57	2,40	147,00	147,00	-
58	Tuyển 58	1,70	100,00	100,00	-
59	Tuyển 59	2,30	212,00	212,00	-
60	Tuyển 60	1,50	45,00	45,00	-
61	Tuyển 61	1,70	20,00	20,00	-
62	Tuyển 62	1,80	204,00	204,00	-
63	Tuyển 63	1,80	10,00	10,00	-
64	Tuyển 64	1,80	15,00	15,00	-
65	Tuyển 65	1,70	15,00	15,00	-
66	Tuyển 66 (bổ sung)	2,50	151,00	151,00	-
VII	Hà Hương				-
1	Tuyển 1		240,00	240,00	-
2	Tuyển 2	2,20	230,00	230,00	-
3	Tuyển 3		305,00	305,00	-
4	Tuyển 4	2,60	496,00	496,00	-

5	Tuyển 5	1,90	103,00	103,00	-
6	Tuyển 6	1,80	105,00	105,00	-
7	Tuyển 7	1,80	111,00	111,00	-
8	Tuyển 8	1,80	113,00	113,00	-
9	Tuyển 9	1,90	115,00	115,00	-
10	Tuyển 10	1,70	44,00	44,00	-
11	Tuyển 11	1,90	114,00	114,00	-
12	Tuyển 12	1,80	117,00	117,00	-
13	Tuyển 13	1,80	45,00	45,00	-
14	Tuyển 14	1,90	139,00	139,00	-
15	Tuyển 15	1,80	137,00	137,00	-
16	Tuyển 16	1,70	135,00	135,00	-
17	Tuyển 17	1,80	133,00	133,00	-
18	Tuyển 18	1,80	130,00	130,00	-

19	Tuyển 19	1,90	125,00	125,00	-
20	Tuyển 20	2,40	581,00	581,00	-
21	Tuyển 21	2,50	247,00	247,00	-
22	Tuyển 22	1,70	20,00	20,00	-
23	Tuyển 23	1,50	20,00	20,00	-
24	Tuyển 24	1,60	50,00	50,00	-
25	Tuyển 25	1,70	57,00	57,00	-
26	Tuyển 26	1,70	67,00	67,00	-
27	Tuyển 27	1,80	69,00	69,00	-
28	Tuyển 28 (bổ sung)	2,80	351,00	351,00	-
29	Tuyển 29 (bổ sung)	2,70	130,00	130,00	-
30	Tuyển 30 (bổ sung)	2,80	105,00	105,00	-
31	Tuyển 31 (bổ sung)	2,90	94,00	94,00	-
VIII	Hà Phong				-
1	Tuyển 1	2,80	465,00	465,00	-

2	Tuyển 2	2,80	637,00	637,00	-
3	Tuyển 3	1,70	10,00	10,00	-
4	Tuyển 4	1,80	55,00	55,00	-
5	Tuyển 5	1,80	60,00	60,00	-
6	Tuyển 6	1,90	134,00	134,00	-
7	Tuyển 7	1,90	168,00	168,00	-
8	Tuyển 8	1,80	65,00	65,00	-
9	Tuyển 9	2,90	422,00	422,00	-
10	Tuyển 10	1,80	76,00	76,00	-
11	Tuyển 11	1,80	127,00	127,00	-
12	Tuyển 12	1,70	112,00	112,00	-
13	Tuyển 13	1,80	108,00	108,00	-
14	Tuyển 14	1,90	63,00	63,00	-
15	Tuyển 15	1,80	41,00	41,00	-

16	Tuyển 16	1,80	60,00	60,00	-
17	Tuyển 17	1,80	30,00	30,00	-
18	Tuyển 18	2,40	78,00	78,00	-
19	Tuyển 19	1,70	25,00	25,00	-
20	Tuyển 20	1,70	80,00	80,00	-
21	Tuyển 21	1,80	30,00	30,00	-
22	Tuyển 22	1,80	225,00	225,00	-
23	Tuyển 23	2,10	215,00	215,00	-
24	Tuyển 24	2,20	197,00	197,00	-
	Xã Vân Hà cũ		20.134,00	20.134,00	-
I	Thiết Úng			-	-
1	Tuyển 1	1,60	77,00	77,00	-
2	Tuyển 2	1,70	27,00	27,00	-
3	Tuyển 3	2,60	163,00	163,00	-
4	Tuyển 4	2,00	76,00	76,00	-

5	Tuyển 5	2,60	385,00	385,00	-
6	Tuyển 6	2,70	50,00	50,00	-
7	Tuyển 7	2,60	92,00	92,00	-
8	Tuyển 8	1,60	123,00	123,00	-
9	Tuyển 9	1,70	127,00	127,00	-
10	Tuyển 10	1,70	56,00	56,00	-
11	Tuyển 11	1,60	60,00	60,00	-
12	Tuyển 12	1,80	40,00	40,00	-
13	Tuyển 13	1,90	224,00	224,00	-
14	Tuyển 14	2,30	28,00	28,00	-
15	Tuyển 15	1,70	270,00	270,00	-
16	Tuyển 16	2,20	60,00	60,00	-
17	Tuyển 17	2,30	146,00	146,00	-
18	Tuyển 18	1,70	15,00	15,00	-

19	Tuyển 19	1,70	158,00	158,00	-
20	Tuyển 20	1,60	163,00	163,00	-
21	Tuyển 21	1,60	15,00	15,00	-
22	Tuyển 22	1,80	167,00	167,00	-
23	Tuyển 23	2,20	105,00	105,00	-
24	Tuyển 24	1,70	70,00	70,00	-
25	Tuyển 25	2,30	122,00	122,00	-
26	Tuyển 26	2,40	10,00	10,00	-
27	Tuyển 27	2,30	197,00	197,00	-
28	Tuyển 28	2,10	188,00	188,00	-
29	Tuyển 29	2,00	30,00	30,00	-
30	Tuyển 30	2,00	50,00	50,00	-
31	Tuyển 31	2,00	206,00	206,00	-
32	Tuyển 32	2,10	125,00	125,00	-

33	Tuyển 33	2,20	48,00	48,00	-
34	Tuyển 34	2,10	58,00	58,00	-
35	Tuyển 35	2,20	143,00	143,00	-
36	Tuyển 36	2,80	1.145,00	1.145,00	-
II	Hà Khê			-	-
1	Tuyển 1	2,80	914,00	914,00	-
2	Tuyển 2	2,70	107,00	107,00	-
3	Tuyển 3	2,80	161,00	161,00	-
4	Tuyển 4	2,60	225,00	225,00	-
5	Tuyển 5	1,80	32,00	32,00	-
6	Tuyển 6	1,70	40,00	40,00	-
7	Tuyển 7	1,80	90,00	90,00	-
8	Tuyển 8	1,80	66,00	66,00	-
9	Tuyển 9	1,70	90,00	90,00	-
10	Tuyển 10	2,00	58,00	58,00	-

11	Tuyển 11	2,10	25,00	25,00	-
12	Tuyển 12	2,00	25,00	25,00	-
13	Tuyển 13	2,10	178,00	178,00	-
14	Tuyển 14	2,00	42,00	42,00	-
15	Tuyển 15	1,60	85,00	85,00	-
16	Tuyển 16	1,70	148,00	148,00	-
17	Tuyển 17	1,80	40,00	40,00	-
18	Tuyển 18	1,80	40,00	40,00	-
19	Tuyển 19	1,80	50,00	50,00	-
20	Tuyển 20	2,10	422,00	422,00	-
21	Tuyển 21	2,00	15,00	15,00	-
22	Tuyển 22	1,60	56,00	56,00	-
23	Tuyển 23	2,00	20,00	20,00	-
24	Tuyển 24	2,10	15,00	15,00	-

25	Tuyển 25	2,00	20,00	20,00	-
26	Tuyển 26	2,10	141,00	141,00	-
27	Tuyển 27	2,00	138,00	138,00	-
28	Tuyển 28	2,00	20,00	20,00	-
29	Tuyển 29	1,60	66,00	66,00	-
30	Tuyển 30	1,50	15,00	15,00	-
III	Thiết Bình			-	-
1	Tuyển 1	2,20	52,00	52,00	-
2	Tuyển 2		534,00	534,00	-
3	Tuyển 3	2,00	79,00	79,00	-
4	Tuyển 4	2,00	48,00	48,00	-
5	Tuyển 5	2,50	201,00	201,00	-
6	Tuyển 6	2,00	128,00	128,00	-
7	Tuyển 7	2,10	156,00	156,00	-
8	Tuyển 8	2,40	150,00	150,00	-

9	Tuyển 9	2,00	126,00	126,00	-
10	Tuyển 10	2,00	85,00	85,00	-
11	Tuyển 11	2,10	165,00	165,00	-
12	Tuyển 12	2,00	60,00	60,00	-
13	Tuyển 13	2,00	123,00	123,00	-
14	Tuyển 14	2,10	84,00	84,00	-
15	Tuyển 15	2,00	96,00	96,00	-
16	Tuyển 16	2,00	81,00	81,00	-
17	Tuyển 17	2,40	199,00	199,00	-
18	Tuyển 18	2,00	84,00	84,00	-
19	Tuyển 19	2,30	148,00	148,00	-
20	Tuyển 20	2,40	290,00	290,00	-
21	Tuyển 21	2,30	136,00	136,00	-
22	Tuyển 22	2,50	136,00	136,00	-

23	Tuyển 23	2,30	136,00	136,00	-
24	Tuyển 24	2,40	136,00	136,00	-
25	Tuyển 25	2,40	40,00	40,00	-
26	Tuyển 26	2,30	40,00	40,00	-
27	Tuyển 27	2,00	54,00	54,00	-
28	Tuyển 28	2,00	35,00	35,00	-
29	Tuyển 29	2,00	35,00	35,00	-
30	Tuyển 30	2,00	30,00	30,00	-
31	Tuyển 31	2,00	30,00	30,00	-
32	Tuyển 32	2,00	30,00	30,00	-
33	Tuyển 33	2,00	30,00	30,00	-
34	Tuyển 34	2,00	30,00	30,00	-
35	Tuyển 35	2,00	30,00	30,00	-
36	Tuyển 36	2,00	30,00	30,00	-

37	Tuyển 37	2,00	45,00	45,00	-
38	Tuyển 38	2,00	40,00	40,00	-
39	Tuyển 39	2,00	30,00	30,00	-
40	Tuyển 40	2,10	101,00	101,00	-
41	Tuyển 41	2,10	40,00	40,00	-
42	Tuyển 42	2,00	52,00	52,00	-
43	Tuyển 43	2,00	110,00	110,00	-
44	Tuyển 44	2,10	20,00	20,00	-
45	Tuyển 45	2,40	92,00	92,00	-
IV	Cổ Châu			-	-
1	Tuyển 1	2,60	700,00	700,00	-
2	Tuyển 2	2,80	331,00	331,00	-
3	Tuyển 3	2,60	122,00	122,00	-
4	Tuyển 4	2,70	60,00	60,00	-
5	Tuyển 5	2,00	87,00	87,00	-

6	Tuyển 6	2,40	121,00	121,00	-
7	Tuyển 7	2,00	36,00	36,00	-
8	Tuyển 8	1,60	66,00	66,00	-
9	Tuyển 9	1,70	122,00	122,00	-
10	Tuyển 10	1,60	122,00	122,00	-
11	Tuyển 11	2,10	70,00	70,00	-
V	Vân Điền			-	-
1	Tuyển 1	2,30	48,00	48,00	-
2	Tuyển 2	2,30	93,00	93,00	-
3	Tuyển 3		591,00	591,00	-
4	Tuyển 4	2,20	60,00	60,00	-
5	Tuyển 5	2,20	175,00	175,00	-
6	Tuyển 6	2,10	77,00	77,00	-
7	Tuyển 7	2,10	243,00	243,00	-
8	Tuyển 8	2,00	74,00	74,00	-

9	Tuyển 9		292,00	292,00	-
10	Tuyển 10		725,00	725,00	-
11	Tuyển 11	1,60	67,00	67,00	-
12	Tuyển 12	1,70	71,00	71,00	-
13	Tuyển 13	1,60	71,00	71,00	-
14	Tuyển 14	1,60	68,00	68,00	-
15	Tuyển 15	1,80	68,00	68,00	-
16	Tuyển 16	2,00	32,00	32,00	-
17	Tuyển 17	2,00	30,00	30,00	-
18	Tuyển 18	2,10	30,00	30,00	-
19	Tuyển 19	1,60	30,00	30,00	-
20	Tuyển 20	1,60	23,00	23,00	-
21	Tuyển 21	1,70	37,00	37,00	-
22	Tuyển 22	2,00	60,00	60,00	-

23	Tuyển 23	1,60	35,00	35,00	-
24	Tuyển 24	1,60	117,00	117,00	-
25	Tuyển 25	1,70	107,00	107,00	-
26	Tuyển 26	1,80	244,00	244,00	-
27	Tuyển 27	1,90	20,00	20,00	-
28	Tuyển 28	1,80	30,00	30,00	-
29	Tuyển 29	1,80	20,00	20,00	-
30	Tuyển 30	1,70	34,00	34,00	-
31	Tuyển 31	1,80	25,00	25,00	-
32	Tuyển 32	1,80	20,00	20,00	-
33	Tuyển 33	2,00	190,00	190,00	-
34	Tuyển 34	2,30	177,00	177,00	-
35	Tuyển 35	2,00	33,00	33,00	-
36	Tuyển 36	1,80	28,00	28,00	-

37	Tuyển 37	1,70	44,00	44,00	-
38	Tuyển 38	1,60	30,00	30,00	-
39	Tuyển 39	1,70	45,00	45,00	-
40	Tuyển 40	1,80	144,00	144,00	-
41	Tuyển 41	1,90	26,00	26,00	-
42	Tuyển 42	1,80	22,00	22,00	-
43	Tuyển 43	1,80	93,00	93,00	-
44	Tuyển 44	1,90	119,00	119,00	-
45	Tuyển 45	1,80	17,00	17,00	-
46	Tuyển 46	1,70	20,00	20,00	-
47	Tuyển 47	2,00	190,00	190,00	-
48	Tuyển 48	2,00	94,00	94,00	-
49	Tuyển 49	1,60	237,00	237,00	-
50	Tuyển 50	1,70	101,00	101,00	-

51	Tuyển 51	1,80	31,00	31,00	-
52	Tuyển 52	1,70	78,00	78,00	-
53	Tuyển 53	1,70	170,00	170,00	-
54	Tuyển 54	1,60	26,00	26,00	-
55	Tuyển 55	1,80	25,00	25,00	-
	Xã Thụy Lâm cũ		44.464,00	41.919,00	2.545,00
I	Đào Thục			-	-
1	Tuyển 1	3,20	340,00	-	340,00
2	Tuyển 2	2,40	25,00	25,00	-
3	Tuyển 3	1,80	43,00	43,00	-
4	Tuyển 4	1,80	35,00	35,00	-
5	Tuyển 5	2,50	134,00	134,00	-
6	Tuyển 6	2,00	30,00	30,00	-
7	Tuyển 7	2,10	87,00	87,00	-
8	Tuyển 8	2,20	175,00	175,00	-

9	Tuyển 9	2,00	83,00	83,00	-
10	Tuyển 10	2,50	324,00	324,00	-
11	Tuyển 11	2,00	57,00	57,00	-
12	Tuyển 12	2,10	35,00	35,00	-
13	Tuyển 13	2,10	25,00	25,00	-
14	Tuyển 14	2,10	20,00	20,00	-
15	Tuyển 15	2,20	35,00	35,00	-
16	Tuyển 16	2,50	131,00	131,00	-
17	Tuyển 17	2,00	35,00	35,00	-
18	Tuyển 18	2,80	126,00	126,00	-
19	Tuyển 19	2,80	120,00	120,00	-
20	Tuyển 20	2,70	258,00	258,00	-
21	Tuyển 21	2,60	60,00	60,00	-
22	Tuyển 22	2,70	402,00	402,00	-

23	Tuyển 23	2,60	121,00	121,00	-
24	Tuyển 24	2,60	119,00	119,00	-
25	Tuyển 25	2,50	125,00	125,00	-
26	Tuyển 26	2,20	45,00	45,00	-
27	Tuyển 27	1,90	46,00	46,00	-
28	Tuyển 28	2,00	89,00	89,00	-
29	Tuyển 29	2,10	45,00	45,00	-
30	Tuyển 30	1,70	45,00	45,00	-
31	Tuyển 31	1,80	115,00	115,00	-
32	Tuyển 32	1,70	73,00	73,00	-
II	Hà Lâm 1			-	-
1	Tuyển 1	2,50	388,00	388,00	-
2	Tuyển 2	2,50	358,00	358,00	-
3	Tuyển 3	2,60	435,00	435,00	-
4	Tuyển 4	2,70	136,00	136,00	-

5	Tuyển 5	2,40	120,00	120,00	-
6	Tuyển 6	2,50	50,00	50,00	-
7	Tuyển 7	2,50	180,00	180,00	-
8	Tuyển 8	2,60	33,00	33,00	-
9	Tuyển 9	2,70	131,00	131,00	-
10	Tuyển 10	2,40	40,00	40,00	-
11	Tuyển 11	2,50	63,00	63,00	-
12	Tuyển 12	2,50	70,00	70,00	-
13	Tuyển 13	2,60	115,00	115,00	-
14	Tuyển 14	2,70	107,00	107,00	-
15	Tuyển 15	2,40	27,00	27,00	-
16	Tuyển 16	2,80	43,00	43,00	-
17	Tuyển 17	2,80	76,00	76,00	-
18	Tuyển 18	2,90	37,00	37,00	-

19	Tuyển 19	2,80	63,00	63,00	-
20	Tuyển 20	2,50	120,00	120,00	-
III	Hà Lâm 2			-	-
1	Tuyển 1	2,80	386,00	386,00	-
2	Tuyển 2	2,40	380,00	380,00	-
3	Tuyển 3	2,40	100,00	100,00	-
4	Tuyển 4	2,60	111,00	111,00	-
5	Tuyển 5	2,40	123,00	123,00	-
6	Tuyển 6	2,70	132,00	132,00	-
7	Tuyển 7	2,50	95,00	95,00	-
8	Tuyển 8	2,80	142,00	142,00	-
9	Tuyển 9	2,40	145,00	145,00	-
10	Tuyển 10	2,40	200,00	200,00	-
11	Tuyển 11	2,60	210,00	210,00	-
12	Tuyển 12	2,40	232,00	232,00	-

13	Tuyển 13	2,80	309,00	309,00	-
14	Tuyển 14	2,40	90,00	90,00	-
15	Tuyển 15	2,40	108,00	108,00	-
16	Tuyển 16	2,60	108,00	108,00	-
17	Tuyển 17	2,40	108,00	108,00	-
18	Tuyển 18	2,50	108,00	108,00	-
19	Tuyển 19	2,50	108,00	108,00	-
20	Tuyển 20	2,50	108,00	108,00	-
IV	Hà Lâm 3			-	-
1	Tuyển 1	2,80	159,00	159,00	-
2	Tuyển 2	2,80	174,00	174,00	-
3	Tuyển 3	2,80	198,00	198,00	-
4	Tuyển 4	2,90	76,00	76,00	-
5	Tuyển 5	2,80	176,00	176,00	-
6	Tuyển 6	2,70	166,00	166,00	-

7	Tuyển 7	2,70	230,00	230,00	-
8	Tuyển 8	2,80	168,00	168,00	-
9	Tuyển 9	2,70	167,00	167,00	-
10	Tuyển 10	2,80	215,00	215,00	-
V	CỔ MIẾU			-	-
1	Tuyển 1	3,10	802,00	-	802,00
2	Tuyển 2	2,50	90,00	90,00	-
3	Tuyển 3	2,00	30,00	30,00	-
4	Tuyển 4	2,60	70,00	70,00	-
5	Tuyển 5	2,50	419,00	419,00	-
6	Tuyển 6	2,00	40,00	40,00	-
7	Tuyển 7	2,00	20,00	20,00	-
8	Tuyển 8	2,60	176,00	176,00	-
9	Tuyển 9	2,10	50,00	50,00	-
10	Tuyển 10	2,00	60,00	60,00	-

11	Tuyển 11	1,70	109,00	109,00	-
12	Tuyển 12	1,80	64,00	64,00	-
13	Tuyển 13	2,60	173,00	173,00	-
14	Tuyển 14	2,60	200,00	200,00	-
15	Tuyển 15	2,00	50,00	50,00	-
16	Tuyển 16	2,50	200,00	200,00	-
17	Tuyển 17	2,10	58,00	58,00	-
18	Tuyển 18	1,80	138,00	138,00	-
19	Tuyển 19	1,70	35,00	35,00	-
20	Tuyển 20	2,10	222,00	222,00	-
21	Tuyển 21	2,10	75,00	75,00	-
22	Tuyển 22	2,10	79,00	79,00	-
23	Tuyển 23	2,40	389,00	389,00	-
24	Tuyển 24	2,00	30,00	30,00	-

25	Tuyển 25	2,10	40,00	40,00	-
26	Tuyển 26	2,10	20,00	20,00	-
27	Tuyển 27	2,00	20,00	20,00	-
28	Tuyển 28	2,40	159,00	159,00	-
29	Tuyển 29	2,50	187,00	187,00	-
30	Tuyển 30	2,40	100,00	100,00	-
31	Tuyển 31	2,10	60,00	60,00	-
32	Tuyển 32	2,00	40,00	40,00	-
33	Tuyển 33	2,00	25,00	25,00	-
34	Tuyển 34	2,30	158,00	158,00	-
35	Tuyển 35	2,10	40,00	40,00	-
36	Tuyển 36	2,10	129,00	129,00	-
37	Tuyển 37	2,20	98,00	98,00	-
38	Tuyển 38	2,20	40,00	40,00	-

39	Tuyển 39	2,10	30,00	30,00	-
VI	Mạnh Tân			-	-
1	Tuyển 1	2,80	1.108,00	1.108,00	-
2	Tuyển 2	2,10	114,00	114,00	-
3	Tuyển 3	2,20	173,00	173,00	-
4	Tuyển 4	2,30	47,00	47,00	-
5	Tuyển 5	2,30	47,00	47,00	-
6	Tuyển 6	2,10	47,00	47,00	-
7	Tuyển 7	2,50	147,00	147,00	-
8	Tuyển 8	2,00	82,00	82,00	-
9	Tuyển 9	2,10	79,00	79,00	-
10	Tuyển 10	2,10	77,00	77,00	-
11	Tuyển 11	2,50	146,00	146,00	-
12	Tuyển 12	2,00	52,00	52,00	-
13	Tuyển 13	2,10	25,00	25,00	-

14	Tuyển 14	2,20	195,00	195,00	-
15	Tuyển 15	2,10	25,00	25,00	-
16	Tuyển 16	2,00	62,00	62,00	-
17	Tuyển 17	2,00	70,00	70,00	-
18	Tuyển 18	2,10	22,00	22,00	-
19	Tuyển 19	2,50	242,00	242,00	-
20	Tuyển 20	1,70	40,00	40,00	-
21	Tuyển 21	1,80	40,00	40,00	-
22	Tuyển 22	1,70	31,00	31,00	-
23	Tuyển 23	1,90	30,00	30,00	-
24	Tuyển 24	1,80	25,00	25,00	-
25	Tuyển 25	2,80	676,00	676,00	-
26	Tuyển 26	2,00	40,00	40,00	-
27	Tuyển 27	1,70	143,00	143,00	-

28	Tuyển 28	1,80	15,00	15,00	-
29	Tuyển 29	1,80	70,00	70,00	-
30	Tuyển 30	1,80	20,00	20,00	-
31	Tuyển 31	2,10	15,00	15,00	-
32	Tuyển 32	2,20	80,00	80,00	-
33	Tuyển 33	1,70	50,00	50,00	-
34	Tuyển 34	2,00	25,00	25,00	-
35	Tuyển 35	2,00	25,00	25,00	-
36	Tuyển 36	2,60	205,00	205,00	-
37	Tuyển 37	2,10	129,00	129,00	-
38	Tuyển 38	2,50	168,00	168,00	-
39	Tuyển 39	1,70	20,00	20,00	-
40	Tuyển 40	1,80	89,00	89,00	-
41	Tuyển 41	1,80	154,00	154,00	-

42	Tuyển 42	2,50	436,00	436,00	-
43	Tuyển 43	2,60	38,00	38,00	-
44	Tuyển 44	2,60	146,00	146,00	-
45	Tuyển 45	2,30	266,00	266,00	-
46	Tuyển 46	2,20	232,00	232,00	-
47	Tuyển 47	1,70	10,00	10,00	-
48	Tuyển 48	1,80	60,00	60,00	-
49	Tuyển 49	1,80	20,00	20,00	-
50	Tuyển 50	2,10	78,00	78,00	-
51	Tuyển 51	2,50	267,00	267,00	-
52	Tuyển 52	1,80	115,00	115,00	-
53	Tuyển 53	2,00	20,00	20,00	-
54	Tuyển 54	1,70	40,00	40,00	-
55	Tuyển 55	1,80	40,00	40,00	-

56	Tuyển 56	2,60	251,00	251,00	-
57	Tuyển 57	2,00	25,00	25,00	-
58	Tuyển 58	2,10	96,00	96,00	-
59	Tuyển 59	2,10	96,00	96,00	-
60	Tuyển 60	2,10	30,00	30,00	-
VII	Hương Trâm			-	-
1	Tuyển 1	3,10	988,00	-	988,00
2	Tuyển 2	3,10	415,00	-	415,00
3	Tuyển 3	2,80	71,00	71,00	-
4	Tuyển 4	2,50	78,00	78,00	-
5	Tuyển 5	2,50	292,00	292,00	-
6	Tuyển 6	1,80	110,00	110,00	-
7	Tuyển 7	2,20	114,00	114,00	-
8	Tuyển 8	2,50	153,00	153,00	-
9	Tuyển 9	2,00	20,00	20,00	-

10	Tuyển 10	2,10	20,00	20,00	-
11	Tuyển 11	1,70	16,00	16,00	-
12	Tuyển 12	1,80	20,00	20,00	-
13	Tuyển 13	1,70	77,00	77,00	-
14	Tuyển 14	2,20	100,00	100,00	-
15	Tuyển 15	1,70	42,00	42,00	-
16	Tuyển 16	1,80	57,00	57,00	-
17	Tuyển 17	2,60	341,00	341,00	-
18	Tuyển 18	2,00	37,00	37,00	-
19	Tuyển 19	2,10	81,00	81,00	-
20	Tuyển 20	2,20	146,00	146,00	-
21	Tuyển 21	2,00	10,00	10,00	-
22	Tuyển 22	1,80	70,00	70,00	-
23	Tuyển 23	2,10	84,00	84,00	-

24	Tuyển 24	2,10	243,00	243,00	-
25	Tuyển 25	1,70	50,00	50,00	-
26	Tuyển 26	2,20	48,00	48,00	-
27	Tuyển 27	2,20	30,00	30,00	-
28	Tuyển 28	2,10	38,00	38,00	-
29	Tuyển 29	2,20	40,00	40,00	-
30	Tuyển 30	2,30	20,00	20,00	-
31	Tuyển 31	2,10	20,00	20,00	-
32	Tuyển 32	2,00	173,00	173,00	-
VIII	Biểu Khê			-	-
1	Tuyển 1	2,50	1.123,00	1.123,00	-
2	Tuyển 2	2,40	285,00	285,00	-
3	Tuyển 3	2,50	135,00	135,00	-
4	Tuyển 4	2,30	138,00	138,00	-
5	Tuyển 5	2,40	65,00	65,00	-

6	Tuyển 6	2,30	344,00	344,00	-
7	Tuyển 7	2,40	144,00	144,00	-
8	Tuyển 8	2,50	126,00	126,00	-
9	Tuyển 9	2,30	82,00	82,00	-
10	Tuyển 10	2,50	119,00	119,00	-
IX	Thụy Lôi			-	-
*	Khu 6 - Khu 7			-	-
1	Tuyển 1	2,80	518,00	518,00	-
2	Tuyển 2	2,10	95,00	95,00	-
3	Tuyển 3	2,20	25,00	25,00	-
4	Tuyển 4	2,20	170,00	170,00	-
5	Tuyển 5	2,60	670,00	670,00	-
6	Tuyển 6	2,50	478,00	478,00	-
7	Tuyển 7	2,00	57,00	57,00	-
8	Tuyển 8	2,10	160,00	160,00	-

9	Tuyển 9	1,50	50,00	50,00	-
10	Tuyển 10	2,10	46,00	46,00	-
11	Tuyển 11	2,00	108,00	108,00	-
12	Tuyển 12	1,40	163,00	163,00	-
13	Tuyển 13	2,00	42,00	42,00	-
14	Tuyển 14	1,50	115,00	115,00	-
15	Tuyển 15	1,60	108,00	108,00	-
16	Tuyển 16	1,40	85,00	85,00	-
17	Tuyển 17	2,00	22,00	22,00	-
18	Tuyển 18	2,10	30,00	30,00	-
19	Tuyển 19	1,60	149,00	149,00	-
20	Tuyển 20	1,40	183,00	183,00	-
21	Tuyển 21	1,60	69,00	69,00	-
22	Tuyển 22	1,50	30,00	30,00	-

23	Tuyển 23	2,30	262,00	262,00	-
24	Tuyển 24	1,50	200,00	200,00	-
25	Tuyển 25	1,60	100,00	100,00	-
26	Tuyển 26	1,40	125,00	125,00	-
27	Tuyển 27	1,50	125,00	125,00	-
28	Tuyển 28	1,40	210,00	210,00	-
29	Tuyển 29	1,50	30,00	30,00	-
30	Tuyển 30	1,50	104,00	104,00	-
31	Tuyển 31	2,10	243,00	243,00	-
32	Tuyển 32	1,60	38,00	38,00	-
33	Tuyển 33	2,00	20,00	20,00	-
34	Tuyển 34	2,30	566,00	566,00	-
35	Tuyển 35	2,00	20,00	20,00	-
36	Tuyển 36	2,00	55,00	55,00	-

37	Tuyển 37	2,10	56,00	56,00	-
38	Tuyển 38	2,00	20,00	20,00	-
39	Tuyển 39	2,50	250,00	250,00	-
40	Tuyển 40	2,00	54,00	54,00	-
41	Tuyển 41	2,00	13,00	13,00	-
42	Tuyển 42	2,00	144,00	144,00	-
43	Tuyển 43	1,60	166,00	166,00	-
44	Tuyển 44	2,00	38,00	38,00	-
45	Tuyển 45	2,00	37,00	37,00	-
46	Tuyển 46	2,10	119,00	119,00	-
47	Tuyển 47	1,60	108,00	108,00	-
48	Tuyển 48	1,60	40,00	40,00	-
49	Tuyển 49	2,00	322,00	322,00	-
50	Tuyển 50	2,10	148,00	148,00	-

51	Tuyển 51	2,10	175,00	175,00	-
52	Tuyển 52	2,20	180,00	180,00	-
53	Tuyển 53	1,50	20,00	20,00	-
54	Tuyển 54	2,00	32,00	32,00	-
55	Tuyển 55	2,10	275,00	275,00	-
56	Tuyển 56	1,60	20,00	20,00	-
57	Tuyển 57	2,00	34,00	34,00	-
58	Tuyển 58	1,60	110,00	110,00	-
59	Tuyển 59	1,60	152,00	152,00	-
60	Tuyển 60	1,50	15,00	15,00	-
61	Tuyển 61	1,60	25,00	25,00	-
62	Tuyển 62	2,20	200,00	200,00	-
63	Tuyển 63	2,10	10,00	10,00	-
64	Tuyển 64	2,10	37,00	37,00	-

65	Tuyến 65	1,60	7,00	7,00	-
66	Tuyến 66	1,50	44,00	44,00	-
67	Tuyến 67	1,60	60,00	60,00	-
68	Tuyến 68	2,40	505,00	505,00	-
69	Tuyến 69	1,70	73,00	73,00	-
*	Khu 5			-	-
70	Tuyến 70	2,00	154,00	154,00	-
71	Tuyến 71	2,40	227,00	227,00	-
72	Tuyến 72	2,50	282,00	282,00	-
73	Tuyến 73	2,10	20,00	20,00	-
74	Tuyến 74	2,00	20,00	20,00	-
75	Tuyến 75	2,00	31,00	31,00	-
76	Tuyến 76	2,00	31,00	31,00	-
77	Tuyến 77	2,00	50,00	50,00	-
78	Tuyến 78	2,00	31,00	31,00	-

79	Tuyển 79	2,10	60,00	60,00	-
80	Tuyển 80	2,40	327,00	327,00	-
81	Tuyển 81	2,00	30,00	30,00	-
82	Tuyển 82	2,00	20,00	20,00	-
83	Tuyển 83	2,40	177,00	177,00	-
84	Tuyển 84	2,00	60,00	60,00	-
85	Tuyển 85	2,50	109,00	109,00	-
86	Tuyển 86	2,00	25,00	25,00	-
87	Tuyển 87	2,30	170,00	170,00	-
88	Tuyển 88	2,00	123,00	123,00	-
89	Tuyển 89	2,30	257,00	257,00	-
90	Tuyển 90	2,40	142,00	142,00	-
91	Tuyển 91	2,00	39,00	39,00	-
92	Tuyển 92	2,00	39,00	39,00	-

93	Tuyển 93	2,00	39,00	39,00	-
94	Tuyển 94	2,00	83,00	83,00	-
95	Tuyển 95	2,40	222,00	222,00	-
96	Tuyển 96	1,60	35,00	35,00	-
97	Tuyển 97	1,70	40,00	40,00	-
98	Tuyển 98	1,60	35,00	35,00	-
99	Tuyển 99	2,20	20,00	20,00	-
100	Tuyển 100	1,60	20,00	20,00	-
101	Tuyển 101	2,30	312,00	312,00	-
102	Tuyển 102	2,00	40,00	40,00	-
103	Tuyển 103	1,70	40,00	40,00	-
104	Tuyển 104	1,60	48,00	48,00	-
105	Tuyển 105	1,60	50,00	50,00	-
106	Tuyển 106	2,00	80,00	80,00	-

107	Tuyển 107	2,30	619,00	619,00	-
108	Tuyển 108	1,60	76,00	76,00	-
109	Tuyển 109	2,20	384,00	384,00	-
110	Tuyển 110	1,60	20,00	20,00	-
111	Tuyển 111	1,70	60,00	60,00	-
112	Tuyển 112	2,00	20,00	20,00	-
113	Tuyển 113	2,00	155,00	155,00	-
114	Tuyển 114	1,60	23,00	23,00	-
115	Tuyển 115	1,50	198,00	198,00	-
116	Tuyển 116	1,40	51,00	51,00	-
117	Tuyển 117	2,00	40,00	40,00	-
118	Tuyển 118	2,00	30,00	30,00	-
119	Tuyển 119	2,30	153,00	153,00	-
120	Tuyển 120	2,00	97,00	97,00	-

121	Tuyển 121	2,00	136,00	136,00	-
122	Tuyển 122	2,10	62,00	62,00	-
123	Tuyển 123	2,50	459,00	459,00	-
	Xã Xuân Nộn cũ		40.056,00	40.056,00	-
I	Kim Tiên				-
*	<i>Xóm 1</i>		-	-	-
1	Tuyển 1	2,30	427,00	427,00	-
2	Tuyển 2	2,00	282,00	282,00	-
3	Tuyển 3	2,00	135,00	135,00	-
4	Tuyển 4	2,00	44,00	44,00	-
5	Tuyển 5	2,00	48,00	48,00	-
6	Tuyển 6	2,10	124,00	124,00	-
7	Tuyển 7	2,10	111,00	111,00	-
8	Tuyển 8	2,20	157,00	157,00	-
9	Tuyển 9	2,20	30,00	30,00	-

10	Tuyển 10	2,10	40,00	40,00	-
*			-	-	-
11	Tuyển 11	2,40	797,00	797,00	-
12	Tuyển 12	2,00	65,00	65,00	-
13	Tuyển 13	2,00	264,00	264,00	-
14	Tuyển 14	2,80	657,00	657,00	-
15	Tuyển 15	2,00	42,00	42,00	-
16	Tuyển 16	2,10	139,00	139,00	-
17	Tuyển 17	2,20	192,00	192,00	-
18	Tuyển 18	2,10	144,00	144,00	-
19	Tuyển 19	2,20	148,00	148,00	-
20	Tuyển 20	2,10	148,00	148,00	-
21	Tuyển 21	2,10	140,00	140,00	-
22	Tuyển 22	2,80	350,00	350,00	-
23	Tuyển 23	2,00	38,00	38,00	-

24	Tuyển 24	2,10	94,00	94,00	-
25	Tuyển 25	2,10	106,00	106,00	-
26	Tuyển 26	2,10	43,00	43,00	-
27	Tuyển 27	2,20	128,00	128,00	-
28	Tuyển 28	2,20	10,00	10,00	-
29	Tuyển 29	2,10	132,00	132,00	-
30	Tuyển 30	2,10	96,00	96,00	-
31	Tuyển 31	2,30	132,00	132,00	-
32	Tuyển 32	2,00	108,00	108,00	-
33	Tuyển 33	2,10	129,00	129,00	-
II	Đường Nhận				-
1	Tuyển 1	2,10	174,00	174,00	-
2	Tuyển 2	2,20	175,00	175,00	-
3	Tuyển 3	2,20	177,00	177,00	-
4	Tuyển 4	2,10	169,00	169,00	-

5	Tuyển 5	2,80	792,00	792,00	-
6	Tuyển 6	2,00	103,00	103,00	-
7	Tuyển 7	2,00	60,00	60,00	-
8	Tuyển 8	2,00	70,00	70,00	-
9	Tuyển 9	2,10	20,00	20,00	-
10	Tuyển 10	2,30	320,00	320,00	-
11	Tuyển 11	2,20	105,00	105,00	-
12	Tuyển 12	2,10	51,00	51,00	-
13	Tuyển 13	2,30	333,00	333,00	-
14	Tuyển 14	2,00	91,00	91,00	-
15	Tuyển 15	2,00	35,00	35,00	-
16	Tuyển 16	2,30	558,00	558,00	-
17	Tuyển 17	2,00	61,00	61,00	-
18	Tuyển 18	2,00	540,00	540,00	-

19	Tuyển 19	2,10	19,00	19,00	-
20	Tuyển 20	2,00	25,00	25,00	-
21	Tuyển 21	2,10	297,00	297,00	-
22	Tuyển 22	2,30	139,00	139,00	-
23	Tuyển 23	2,00	292,00	292,00	-
24	Tuyển 24	2,10	139,00	139,00	-
25	Tuyển 25	2,10	285,00	285,00	-
26	Tuyển 26	2,80	1.494,00	1.494,00	-
III	Đình Trung				-
1	Tuyển 1	2,80	602,00	602,00	-
2	Tuyển 2	2,30	252,00	252,00	-
3	Tuyển 3	2,40	349,00	349,00	-
4	Tuyển 4	2,30	299,00	299,00	-
5	Tuyển 5	2,20	210,00	210,00	-
6	Tuyển 6	2,20	35,00	35,00	-

7	Tuyển 7	2,00	135,00	135,00	-
8	Tuyển 8	2,00	60,00	60,00	-
9	Tuyển 9	2,00	130,00	130,00	-
10	Tuyển 10	2,10	15,00	15,00	-
11	Tuyển 11	2,20	57,00	57,00	-
12	Tuyển 12	2,00	40,00	40,00	-
13	Tuyển 13	2,00	47,00	47,00	-
14	Tuyển 14	2,00	71,00	71,00	-
15	Tuyển 15	2,10	415,00	415,00	-
16	Tuyển 16	2,00	41,00	41,00	-
17	Tuyển 17	2,00	41,00	41,00	-
18	Tuyển 18	2,10	40,00	40,00	-
19	Tuyển 19	2,00	39,00	39,00	-
20	Tuyển 20	2,10	340,00	340,00	-

21	Tuyển 21	2,70	285,00	285,00	-
22	Tuyển 22	2,00	38,00	38,00	-
23	Tuyển 23	2,10	120,00	120,00	-
24	Tuyển 24	2,00	151,00	151,00	-
25	Tuyển 25	2,00	27,00	27,00	-
26	Tuyển 26	2,10	108,00	108,00	-
27	Tuyển 27	2,00	25,00	25,00	-
28	Tuyển 28	2,30	495,00	495,00	-
29	Tuyển 29	2,30	452,00	452,00	-
30	Tuyển 30	2,00	68,00	68,00	-
31	Tuyển 31	2,00	214,00	214,00	-
32	Tuyển 32	2,00	40,00	40,00	-
33	Tuyển 33	2,00	37,00	37,00	-
34	Tuyển 34	2,00	300,00	300,00	-

35	Tuyển 35	2,00	31,00	31,00	-
36	Tuyển 36	2,00	65,00	65,00	-
37	Tuyển 37	2,20	473,00	473,00	-
38	Tuyển 38	2,40	874,00	874,00	-
39	Tuyển 39	2,10	173,00	173,00	-
40	Tuyển 40	2,10	78,00	78,00	-
41	Tuyển 41	2,10	127,00	127,00	-
42	Tuyển 42	2,20	27,00	27,00	-
43	Tuyển 43	2,10	71,00	71,00	-
44	Tuyển 44	2,10	21,00	21,00	-
45	Tuyển 45	2,00	69,00	69,00	-
IV	Khu chợ Kim				-
1	Tuyển 1	1,90	100,00	100,00	-
2	Tuyển 2	2,80	414,00	414,00	-
3	Tuyển 3	1,70	130,00	130,00	-

4	Tuyển 4	1,70	143,00	143,00	-
5	Tuyển 5	2,00	42,00	42,00	-
6	Tuyển 6	2,10	39,00	39,00	-
7	Tuyển 7	2,30	92,00	92,00	-
V	Xuân Nộn				-
*			-	-	-
1	Tuyển 1	1,80	28,00	28,00	-
2	Tuyển 2	1,70	22,00	22,00	-
3	Tuyển 3	2,00	105,00	105,00	-
4	Tuyển 4	2,40	451,00	451,00	-
5	Tuyển 5	1,70	110,00	110,00	-
6	Tuyển 6	1,70	48,00	48,00	-
7	Tuyển 7	1,70	54,00	54,00	-
8	Tuyển 8	2,00	272,00	272,00	-
9	Tuyển 9	1,70	12,00	12,00	-

10	Tuyển 10	1,70	42,00	42,00	-
11	Tuyển 11	2,20	400,00	400,00	-
12	Tuyển 12	1,80	87,00	87,00	-
13	Tuyển 13	2,00	84,00	84,00	-
14	Tuyển 14	2,10	203,00	203,00	-
15	Tuyển 15	1,70	70,00	70,00	-
16	Tuyển 16	2,20	248,00	248,00	-
17	Tuyển 17	1,70	50,00	50,00	-
18	Tuyển 18	1,60	125,00	125,00	-
19	Tuyển 19	1,70	40,00	40,00	-
20	Tuyển 20	1,70	40,00	40,00	-
21	Tuyển 21	1,60	65,00	65,00	-
22	Tuyển 22	2,30	405,00	405,00	-
23	Tuyển 23	1,60	76,00	76,00	-

24	Tuyến 24	2,30	451,00	451,00	-
25	Tuyến 25	2,40	588,00	588,00	-
26	Tuyến 26	2,00	96,00	96,00	-
*			-	-	-
27	Tuyến 27	1,60	25,00	25,00	-
28	Tuyến 28	1,70	28,00	28,00	-
29	Tuyến 29	1,60	15,00	15,00	-
30	Tuyến 30	1,70	27,00	27,00	-
31	Tuyến 31	2,10	197,00	197,00	-
32	Tuyến 32	2,20	126,00	126,00	-
33	Tuyến 33	1,70	36,00	36,00	-
34	Tuyến 34	1,60	34,00	34,00	-
35	Tuyến 35	1,70	21,00	21,00	-
36	Tuyến 36	1,60	75,00	75,00	-
37	Tuyến 37	1,70	40,00	40,00	-

38	Tuyển 38	1,60	20,00	20,00	-
39	Tuyển 39	2,00	177,00	177,00	-
40	Tuyển 40	1,60	53,00	53,00	-
41	Tuyển 41	1,70	52,00	52,00	-
42	Tuyển 42	1,60	50,00	50,00	-
43	Tuyển 43	2,40	258,00	258,00	-
44	Tuyển 44	2,30	311,00	311,00	-
45	Tuyển 45	2,20	397,00	397,00	-
46	Tuyển 46	1,60	20,00	20,00	-
47	Tuyển 47	1,70	49,00	49,00	-
48	Tuyển 48	1,80	48,00	48,00	-
49	Tuyển 49	2,30	144,00	144,00	-
50	Tuyển 50	2,40	151,00	151,00	-
51	Tuyển 51	1,80	104,00	104,00	-
VI	Lương Quy				-

*			-	-	-
1	Tuyển 1	2,30	344,00	344,00	-
2	Tuyển 2	2,00	50,00	50,00	-
3	Tuyển 3	2,10	96,00	96,00	-
4	Tuyển 4	2,30	700,00	700,00	-
5	Tuyển 5	2,00	35,00	35,00	-
6	Tuyển 6	2,10	100,00	100,00	-
7	Tuyển 7	2,00	45,00	45,00	-
8	Tuyển 8	1,80	30,00	30,00	-
9	Tuyển 9	2,40	529,00	529,00	-
10	Tuyển 10	2,00	200,00	200,00	-
11	Tuyển 11	2,10	481,00	481,00	-
12	Tuyển 12	2,00	206,00	206,00	-
13	Tuyển 13	1,80	64,00	64,00	-
14	Tuyển 14	2,00	88,00	88,00	-

15	Tuyển 15	2,10	202,00	202,00	-
16	Tuyển 16	1,80	223,00	223,00	-
17	Tuyển 17	2,00	100,00	100,00	-
18	Tuyển 18	2,10	184,00	184,00	-
19	Tuyển 19	2,40	225,00	225,00	-
20	Tuyển 20	2,00	226,00	226,00	-
*			-	-	-
21	Tuyển 21	2,10	63,00	63,00	-
22	Tuyển 22	2,00	62,00	62,00	-
23	Tuyển 23	2,40	565,00	565,00	-
24	Tuyển 24	1,80	94,00	94,00	-
25	Tuyển 25	2,00	25,00	25,00	-
26	Tuyển 26	2,10	15,00	15,00	-
27	Tuyển 27	2,00	117,00	117,00	-
28	Tuyển 28	2,00	110,00	110,00	-

29	Tuyển 29	2,10	73,00	73,00	-
30	Tuyển 30	2,00	218,00	218,00	-
31	Tuyển 31	2,00	64,00	64,00	-
32	Tuyển 32	2,10	283,00	283,00	-
33	Tuyển 33	2,10	200,00	200,00	-
34	Tuyển 34	2,00	283,00	283,00	-
35	Tuyển 35	2,20	18,00	18,00	-
36	Tuyển 36	2,20	82,00	82,00	-
37	Tuyển 37	2,20	202,00	202,00	-
38	Tuyển 38	2,10	565,00	565,00	-
39	Tuyển 39	2,10	28,00	28,00	-
40	Tuyển 40	2,00	36,00	36,00	-
41	Tuyển 41	2,00	253,00	253,00	-
42	Tuyển 42	2,10	232,00	232,00	-

43	Tuyến 43	2,70	676,00	676,00	-
44	Tuyến 44	2,00	91,00	91,00	-
45	Tuyến 45	2,00	129,00	129,00	-
46	Tuyến 46	2,10	97,00	97,00	-
47	Tuyến 47	2,00	106,00	106,00	-
48	Tuyến 48	2,00	98,00	98,00	-
49	Tuyến 49	2,10	112,00	112,00	-
50	Tuyến 50	2,00	64,00	64,00	-
VII	Đường Yên				-
1	Tuyến 1		510,00	510,00	-
2	Tuyến 2	1,70	105,00	105,00	-
3	Tuyến 3	2,00	25,00	25,00	-
4	Tuyến 4	2,50	585,00	585,00	-
5	Tuyến 5	2,00	30,00	30,00	-
6	Tuyến 6	2,10	241,00	241,00	-

7	Tuyển 7	2,00	28,00	28,00	-
8	Tuyển 8	2,10	49,00	49,00	-
9	Tuyển 9	2,00	87,00	87,00	-
10	Tuyển 10	2,20	63,00	63,00	-
11	Tuyển 11	2,00	92,00	92,00	-
12	Tuyển 12	1,80	25,00	25,00	-
13	Tuyển 13	2,30	137,00	137,00	-
14	Tuyển 14	2,00	180,00	180,00	-
15	Tuyển 15	2,30	198,00	198,00	-
16	Tuyển 16	2,00	15,00	15,00	-
17	Tuyển 17	2,00	65,00	65,00	-
18	Tuyển 18	2,00	20,00	20,00	-
19	Tuyển 19	2,00	79,00	79,00	-
20	Tuyển 20	2,10	90,00	90,00	-

21	Tuyển 21	2,40	451,00	451,00	-
22	Tuyển 22	2,00	125,00	125,00	-
23	Tuyển 23	2,00	140,00	140,00	-
24	Tuyển 24	2,10	121,00	121,00	-
25	Tuyển 25	2,00	76,00	76,00	-
26	Tuyển 26	2,00	38,00	38,00	-
27	Tuyển 27	2,00	25,00	25,00	-
28	Tuyển 28	2,00	32,00	32,00	-
29	Tuyển 29	2,00	30,00	30,00	-
30	Tuyển 30	2,10	104,00	104,00	-
	Thị trấn Đông Anh cũ		14.854,00	14.854,00	-
I	Các ngõ nhỏ phía Đông đường Uy Nỗ				
1	Ngõ 1	2,90	116,00	116,00	-
2	Ngõ 2	2,90	84,00	84,00	-
3	Ngõ 3	2,90	90,00	90,00	-

4	Ngõ 4	2,90	175,00	175,00	-
5	Ngõ 5	2,90	420,00	420,00	-
6	Ngõ 6	2,90	130,00	130,00	-
7	Ngõ 7	2,90	120,00	120,00	-
8	Ngõ 8	2,90	55,00	55,00	-
9	Ngõ 9	2,90	150,00	150,00	-
10	Ngõ 10	2,90	95,00	95,00	-
11	Ngõ 11	2,90	530,00	530,00	-
12	Ngõ 12	2,90	250,00	250,00	-
13	Ngõ 13	2,90	160,00	160,00	-
14	Ngõ 14	2,90	382,00	382,00	-
15	Ngõ 15	2,90	100,00	100,00	-
16	Ngõ 16	2,90	185,00	185,00	-
II	Phía tây đường Uy Nỗ			-	-

1	Ngõ 13	2,90	45,00	45,00	-
2	Ngõ 14	2,90	90,00	90,00	-
3	Ngõ 15	2,90	95,00	95,00	-
4	Ngõ 16	2,90	455,00	455,00	-
5	Ngõ 17	2,90	190,00	190,00	-
6	Ngõ 18	2,90	190,00	190,00	-
7	Ngõ 19	2,90	85,00	85,00	-
8	Ngõ 20	2,90	85,00	85,00	-
9	Ngõ 21	2,90	145,00	145,00	-
10	Ngõ 22	2,90	215,00	215,00	-
11	Ngõ 23	2,90	1.268,00	1.268,00	-
12	Ngõ 24	2,90		-	-
13	Ngõ 25	2,90		-	-
14	Ngõ 26	2,90		-	-
III	Các ngõ nhỏ phía Đông đường 1/5 và phía Tây đường Uy Nỗ (đến chợ Kính Nỗ)				
1	Ngõ 1	2,90	375,00	375,00	-

2	Ngõ 2	2,90	110,00	110,00	-
3	Ngõ 3	2,90	212,00	212,00	-
4	Ngõ 4	2,90	20,00	20,00	-
5	Ngõ 5	2,90	40,00	40,00	-
6	Ngõ 6	2,90	110,00	110,00	-
7	Ngõ 7	2,90	210,00	210,00	-
8	Ngõ 8	2,90	60,00	60,00	-
9	Ngõ 9	2,90	320,00	320,00	-
10	Ngõ 10	2,90	45,00	45,00	-
11	Ngõ 11	2,90	100,00	100,00	-
12	Ngõ 12	2,90	260,00	260,00	-
IV	Các ngõ nhỏ khu Tập thể Z153			-	-
1	Ngõ 1	2,50	180,00	180,00	-
2	Ngõ 2	2,50	60,00	60,00	-
3	Ngõ 3	2,50	130,00	130,00	-

4	Ngõ 4	2,50	55,00	55,00	-
5	Ngõ 5	2,50	40,00	40,00	-
6	Ngõ 6	2,50	165,00	165,00	-
7	Ngõ 7	2,50	185,00	185,00	-
8	Ngõ 8	2,50	122,00	122,00	-
9	Ngõ 9	2,50	355,00	355,00	-
10	Ngõ 10	2,50	32,00	32,00	-
11	Ngõ 11	2,50	183,00	183,00	-
12	Ngõ 12	3,00	544,00	544,00	-
13	Ngõ 13	2,50	50,00	50,00	-
14	Ngõ 14	2,50	120,00	120,00	-
15	Ngõ 15	2,50	50,00	50,00	-
16	Ngõ 16	2,50	55,00	55,00	-
17	Ngõ 17	2,50	375,00	375,00	-

18	Ngõ 18	2,50	57,00	57,00	-
19	Ngõ 19	2,50	52,00	52,00	-
20	Ngõ 20	2,50	47,00	47,00	-
21	Ngõ 21	2,50	26,00	26,00	-
22	Ngõ 22	2,50	200,00	200,00	-
23	Ngõ 23	2,50	207,00	207,00	-
24	Ngõ 24	2,50	112,00	112,00	-
V	Tổ 46 - Tập thể Lương Quy				
1	Ngõ 1	2,70	80,00	80,00	-
2	Ngõ 2	2,70	60,00	60,00	-
3	Ngõ 3	2,70	85,00	85,00	-
4	Ngõ 4	2,70	25,00	25,00	-
5	Ngõ 5	2,70	40,00	40,00	-
6	Ngõ 6	2,70	70,00	70,00	-
VI	Tổ 47			-	-

1	Ngõ 1	2,50	70,00	70,00	-
2	Ngõ 2	2,50	110,00	110,00	-
3	Ngõ 3	2,50	100,00	100,00	-
4	Ngõ 4	2,50	30,00	30,00	-
5	Ngõ 5	2,50	40,00	40,00	-
6	Ngõ 6	2,50	60,00	60,00	-
7	Ngõ 7	2,50	100,00	100,00	-
VII	TỔ 48			-	-
1	Ngõ 1	2,50	262,00	262,00	-
2	Ngõ 2	2,50	83,00	83,00	-
3	Ngõ 3	2,50	75,00	75,00	-
4	Ngõ 4	2,50	76,00	76,00	-
5	Ngõ 5	2,50	72,00	72,00	-
6	Ngõ 6	2,50	54,00	54,00	-
7	Ngõ 7	2,50	47,00	47,00	-

8	Ngõ 8	2,50	50,00	50,00	-
9	Ngõ 9	2,50	53,00	53,00	-
10	Ngõ 10	2,50	54,00	54,00	-
11	Ngõ 11	2,50	74,00	74,00	-
12	Ngõ 12	2,50	12,00	12,00	-
VIII	TỔ 49			-	-
1	Ngõ 1	2,50	143,00	143,00	-
2	Ngõ 2	2,50	213,00	213,00	-
3	Ngõ 3	2,50	158,00	158,00	-
4	Ngõ 4	2,50	187,00	187,00	-
5	Ngõ 5	2,50	190,00	190,00	-
6	Ngõ 6	2,50	81,00	81,00	-
7	Ngõ 7	2,50	88,00	88,00	-
8	Ngõ 8	2,50	171,00	171,00	-
9	Ngõ 9	2,50	201,00	201,00	-

10	Ngõ 10	2,50	50,00	50,00	-
11	Ngõ 11	2,50	51,00	51,00	-
12	Ngõ 12	2,50	51,00	51,00	-
13	Ngõ 13	2,50	51,00	51,00	-
14	Ngõ 14	2,50	60,00	60,00	-
15	Ngõ 15	2,50	18,00	18,00	-
16	Ngõ 16	2,50	19,00	19,00	-
17	Ngõ 17	2,50	19,00	19,00	-
18	Ngõ 18	2,50	76,00	76,00	-
19	Ngõ 19	2,50	76,00	76,00	-
xã Nguyên Khê cũ			1.930,00	1.930,00	-
IX	Lâm Tiên				-
1	Tuyến 1	2,9	283,00	283,00	-
2	Tuyến 2	2,8	203,00	203,00	-
3	Tuyến 3	2,8	650,00	650,00	-

4	Tuyển 4	2,1	49,00	49,00	-
5	Tuyển 5	2,1	40,00	40,00	-
6	Tuyển 6	2,1	56,00	56,00	-
7	Tuyển 7	2,8	150,00	150,00	-
8	Tuyển 8	2,7	35,00	35,00	-
9	Tuyển 9	2,0	69,00	69,00	-
10	Tuyển 10	2,1	61,00	61,00	-
11	Tuyển 11	2,1	101,00	101,00	-
12	Tuyển 12	2,2	40,00	40,00	-
13	Tuyển 13	2,0	70,00	70,00	-
14	Tuyển 14	2,0	25,00	25,00	-
15	Tuyển 15	2,0	25,00	25,00	-
16	Tuyển 16	2,0	51,00	51,00	-
17	Tuyển 17	2,0	22,00	22,00	-

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Tính hiệu quả:

Nhà thầu nêu được đầy đủ các nội dung theo yêu cầu thể hiện được tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ công ích duy trì vệ sinh môi trường.

3.2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc:

- Trình bày có sự am hiểu, cơ bản đầy đủ, phù hợp theo các nội dung yêu cầu. Am hiểu về đặc điểm, tính chất của địa bàn thực hiện công tác công ích duy trì vệ sinh môi trường;

- Am hiểu về quy mô, nhiệm vụ, yêu cầu của công tác duy trì vệ sinh môi trường.

3.3. Yêu cầu về chất lượng:

Dịch vụ công ích Duy trì vệ sinh môi trường phải tuân thủ quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 và Văn bản số 10011/SNNMT- QLCTR ngày 26/11/2025 hướng dẫn Quy trình đổi mới, nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026.

3.4. Yêu cầu về các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện đảm bảo cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng theo quy trình công nghệ nêu đầy đủ các nội dung trong phạm vi công việc. Có thuyết minh về các tuyến đường, ngõ thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường địa bàn thực hiện; Giải pháp thu gom và vận chuyển rác thải nêu rõ biện pháp thu gom và vận chuyển, nơi tập kết, trung chuyển và nơi xử lý cuối cùng. Có thuyết minh về các tuyến đường, ngõ thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường địa bàn thực hiện;- Đề xuất lộ trình và phương án vận chuyển rác thải tối ưu, đảm bảo không ùn tắc giao thông, không phát tán mùi hôi: nêu rõ lộ trình tối ưu (kèm theo sơ đồ tuyến đường cụ thể); phương án vận chuyển rác thải; giải pháp đảm bảo không ùn tắc giao thông, không phát tán mùi hôi. Có thuyết minh và bản vẽ tuyến đường ngõ thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường địa bàn thực hiện;

- Công tác an toàn lao động trong quá trình cung cấp dịch vụ đảm bảo trang bị bảo hộ lao động, huấn luyện an toàn, kiểm tra sát hạch và cấp thẻ an toàn lao động theo quy định; Công tác đảm bảo giao thông trong quá trình thu gom và vận chuyển rác thải (an toàn cho người đi đường, không gây cản trở giao thông). Phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của thành phố (kèm

theo phương án tuyên truyền) đáp ứng yêu cầu về đổi mới, nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030;

3.5. Tiêu chí chung trong đổi mới trong công tác duy trì vệ sinh môi trường

- Đảm bảo chất lượng duy trì vệ sinh môi trường của Thành phố luôn sạch: ngoài giờ thu gom không có rác thải, phế thải phát sinh trên đường phố, các tuyến đường phố luôn sạch; đặc biệt lưu ý đến các điểm giáp ranh giữa các địa bàn cần phân chia và thống nhất khối lượng thực hiện để đảm bảo chất lượng duy trì.

- Chuyển đổi phương tiện giao thông “xanh” trên địa bàn Thành phố nhằm cải thiện chất lượng không khí: xây dựng lộ trình chuyển đổi và phát triển phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố, phấn đấu chậm nhất đến năm 2030 hoàn thành việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện thu gom, vận chuyển chạy xăng, dầu sang sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố; trước mắt nghiên cứu áp dụng cho khu vực trong Vành đai 1 từ 01/7/2026 và mở rộng phạm vi phù hợp với định hướng hình thành các khu vực phát thải thấp.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách, thuận tiện cho điều hành sản xuất trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn Thành phố.

- Đảm bảo thu đúng, đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố để bù đắp chi ngân sách và đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn đổi mới, nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố từ năm 2026 đến năm 2030 (theo văn bản số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành phố Hà Nội).

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

